



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá
thuê đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 584/TTr-STC ngày 11 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá cho thuê đất được áp dụng thống nhất cho từng khu vực thực hiện dự án đầu tư, cụ thể như sau:

STT	Khu vực thực hiện dự án đầu tư	Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất		
		Dự án thông thường	Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư	Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư
1	Các phường thuộc thành phố Bạc Liêu	2,00%	1,50%	1,00%
2	Các xã thuộc thành phố Bạc Liêu; các thị trấn; các đầu mối giao thông tiếp giáp các tuyến Quốc lộ trên địa bàn tỉnh	1,50%	1,00%	0,8%
3	Các khu vực khác còn lại trên địa bàn tỉnh	1,00%	0,80%	0,5%

Danh mục dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư áp dụng theo quy định hiện hành.

Điều 2. Điều khoản thi hành:

1. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước:

- Giao Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế và các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quyết định này thống nhất trên địa bàn tỉnh.

- Căn cứ giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, hệ số điều chỉnh giá đất và mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất quy định tại quyết định này, Cục trưởng Cục Thuế quyết định đơn giá thuê đất đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Chi cục trưởng Chi cục Thuế xác định đơn giá thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

- Giao Cục Thuế chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát các hợp đồng thuê đất khi hết chu kỳ ổn định để điều chỉnh đơn giá cho thuê đất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Xử lý một số vấn đề tồn tại

- Đối với các dự án đã có hợp đồng thuê đất trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được ổn định cho đủ 05 (năm) năm. Sau khi hết thời gian ổn định 05 (năm) năm thì phải điều chỉnh đơn giá thuê đất theo Quyết định này.

- Trường hợp dự án đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng điều chỉnh đơn giá theo Quyết định này.

- Đối với các trường hợp xác định đơn giá thuê đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày có hiệu lực của quyết định này thì thực hiện theo quyết định này.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc thì đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để được hướng dẫn giải quyết, trường hợp vượt thẩm quyền thì tổng hợp và phối hợp với các cơ

quan, đơn vị chức năng có liên quan thống nhất tham mưu đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Các nội dung khác không nêu tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bạc Liêu; Thủ trưởng các Sở, Ngành, đơn vị chức năng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 19/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (b/c);
- Cục Kiểm tra VB QPPL - BTP (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- PVP TH UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, CH, MT (QĐ 08) *TM*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Chiến